

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **423/2023/HS-ST**

Ngày: 23-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 415/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 422/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Huy S (tên gọi khác: Không), sinh năm 1993 tại T H; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Khu phố Th T, phường Q Th, TP. T H, tỉnh T H; nơi cư trú hiện nay: Khu phố 5A, phường T D, TP. B H, tỉnh Đ N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Huy Th, sinh năm 1955 (đã mất) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1958; gia đình có 04 chị em (bị cáo là con út), có vợ tên là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 2000 và có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/02/2023 theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp số 42/LBN của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đến ngày 24/02/2023 thì được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa huỷ bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (*có mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Công H, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: ..., khu phố 1, phường T D, TP. B H, tỉnh Đ N.
2. Bà Trần Đặng Thị Như Q, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: ..., khu phố 8, phường T P, TP. B H, tỉnh Đ N.
3. Bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: Tổ 55, khu phố 4B, phường T D, TP. B H, tỉnh Đ N.
4. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: ..., khu phố 11, phường T P, TP. B H, tỉnh Đ N.
5. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: ..., khu phố 3, phường H N, TP. B H, tỉnh Đ N.
6. Ông Trần Quang V, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: ..., khu phố 3, phường T D, TP. B H, tỉnh Đ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng cuối năm 2021 đến tháng 02/2023, trên địa bàn thành phố Biên Hoà, Nguyễn Huy S đề hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Trong quá trình hoạt động cho vay thì S bỏ ra số tiền 218.000.000đ (Hai trăm mười tám triệu đồng) để cho nhiều người trên địa bàn thành phố Biên Hòa vay tiền với lãi suất từ 13,64%/tháng đến 52,63%/tháng và thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác định Nguyễn Huy S đã thu lợi bất chính của 6 người vay tiền trong 21 lần cho vay, cụ thể như sau:

1. Khoảng cuối năm 2021 (Không nhớ rõ ngày), S cho anh **Trần Quang V** ngụ tại ..., khu phố 3, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N vay 3.000.000đ (Ba triệu đồng), anh V không phải trả tiền phí nên số tiền anh V được nhận là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng số tiền anh V phải trả là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày tương đương với lãi suất 30%/tháng. Khoản vay này anh V đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 41.750đ (Bốn mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 708.250đ (Bảy trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Khoảng đầu tháng 7/2021, S cho chị **Vũ Thị H** ngụ tại số ..., khu phố 11, phường T P, thành phố B H, tỉnh Đ N vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị H phải trả tiền phí là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên số tiền chị H được nhận là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền chị H phải trả là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi

suất 25%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 12 ngày với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) thì đến khoảng giữa tháng 7/2021, chị H đã vay lần 02 và khi cho vay S đã trừ hết số tiền chị H còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 52.63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 12 ngày là 63.460đ (Sáu mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.436.540đ (Hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

- Đến ngày 25/7/2021, S cho chị H vay lần 02 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị H phải trả tiền phí là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên chị H không được nhận tiền, đồng thời thiếu S 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tổng số tiền chị H phải trả là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 12 ngày với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thì đến khoảng tháng 8/2022, chị H đã vay lần 03 và khi cho vay S đã trừ hết số tiền chị H còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 52.63%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 12 ngày là 31.730đ (Ba mươi một nghìn bảy trăm ba mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.218.270đ (Một triệu hai mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

- Đến ngày 05/8/2021, S cho chị H vay lần 03 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị H phải trả tiền phí là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của lần 1 nên số tiền chị H được nhận là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền chị H phải trả là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 26,32%/tháng. Khoản vay này chị H đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 63.460đ (Sáu mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.186.540đ (Một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

3. Khoảng cuối tháng 02/2022, S cho ông **Trần Công H** ngụ tại số ..., khu phố 1, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N vay lần 01 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí, số tiền ông H được nhận là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng số tiền ông H phải trả là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì đến khoảng giữa tháng 3/2022, ông H đã vay lần 02 và khi cho vay S đã trừ hết số tiền ông H còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 40%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 15 ngày là 83.500đ (Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.916.500đ (Một triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

- Lần 2 đến lần 4: Từ giữa tháng 3/2022 đến giữa tháng 4/2022 (Không nhớ ngày), S cho ông H vay 03 lần, mỗi lần vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay trước nên số tiền ông H được nhận mỗi lần vay là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông H phải trả mỗi lần vay là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông H tiếp tục vay lại và khi cho vay S đã trừ hết số tiền ông H còn thiếu của lần vay trước nên lãi suất thực tế là 40%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 15 ngày của 03 lần vay là 250.500đ (Hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của 03 lần vay là 5.749.500đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Lần 5: Đến khoảng cuối tháng 4/2022 (Không nhớ ngày), S cho ông H vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 4 nên số tiền ông H được nhận là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông H phải trả là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Khoản vay này ông H đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 133.600đ (Một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.866.400đ (Một triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

- Lần 6: Đến khoảng giữa tháng 7/2022 (Không nhớ ngày), S cho ông H vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí nên số tiền ông H được nhận là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Tổng số tiền ông H phải trả là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 18 ngày với số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) thì đến khoảng đầu tháng 8/2022, ông H đã vay lần 07 và khi cho vay S đã trừ hết số tiền ông H còn thiếu của lần vay trước nên lãi suất thực tế là 33,33%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 18 ngày là 150.300đ (Một trăm năm mươi triệu ba trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.849.700đ (Hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

- Lần 7 đến lần 11: Từ khoảng đầu cuối 8/2022 đến cuối tháng 10/2022 (Không nhớ ngày), S cho ông H vay 05 lần, mỗi lần số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí. Do phải trả tiền còn thiếu của lần trước nên số tiền ông H được nhận mỗi lần vay là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông H phải trả mỗi lần vay là 18.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất

25%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 18 ngày với số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông H tiếp tục vay lại và khi cho vay S đã trừ hết số tiền ông H còn thiếu của lần vay trước nên lãi suất thực tế là 33,33%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 18 ngày của 05 lần vay là 751.500đ (Bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của 05 lần vay là 14.248.500đ (Mười bốn triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

- Lần 12: Đến khoảng cuối tháng 11/2022 (Không nhớ ngày), S cho ông H vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 11 nên số tiền ông H được nhận là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông H phải trả là 18.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Khoản vay này ông H đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 200.400đ (Hai trăm nghìn bốn trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.799.600đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

- Lần 13: Ngoài ra, khoảng cuối tháng 9/2022 (Không nhớ ngày), S cho ông H vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông H không phải trả tiền phí nên tổng số tiền ông H nhận là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và trả tiền lãi mỗi tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tương đương với lãi suất 30%/tháng. Khoản vay này ông H đã trả xong 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền lãi trong 05 tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng trong 05 tháng là 1.670.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), số tiền thu lợi bất chính là 28.330.000đ (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

4. Khoảng tháng 6/2022 (Không nhớ rõ ngày), S cho chị **Hoàng Thị Ng** ngụ tại khu phố 4B, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N vay lần 01 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị Nghiêm không phải trả tiền phí, Tổng số tiền chị Ng được nhận là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và trả tiền lãi mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 10%/tháng. Khoản vay này chị Ng đã trả xong 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 83.500đ (Tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 416.500đ (Bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

- Lần 2: Đến khoảng tháng 2/2023 (Không nhớ rõ ngày), S cho chị Ng vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị Ng không phải trả tiền phí. Tổng số tiền chị Ng được nhận là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và trả tiền lãi mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 10%/tháng. Tuy nhiên, chưa đến kỳ trả thì S đã bị

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ nên chị Ng vẫn còn nợ S 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính S nhằm đạt được là 416.500đ (Bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

5. Khoảng tháng 7/2022 (Không nhớ rõ ngày), S cho chị **Nguyễn Thị Ph** ngụ tại ..., khu phố 9, phường H N, thành phố B H, tỉnh Đ N vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị Ph không phải trả tiền phí nên số tiền chị Ph được nhận là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tổng số tiền chị Ph phải trả là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 22 ngày tương đương với lãi suất 13,64%/tháng. Khoản vay này chị Ph đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 61.233đ (Sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 438.767đ (Bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

6. Ngày 15/11/2022, S cho chị **Trần Đặng Thị Như Q** ngụ tại ..., khu phố 8, phường T P, thành phố B H, tỉnh Đ N vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chị Q không phải trả tiền phí, nhưng đóng tiền trả góp trước 01 là ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên số tiền chị Q được nhận là 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền chị Q phải trả là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Khoản vay này chị Q đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà S được hưởng là 66.800đ (Sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 933.200đ (Chín triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm đồng).

Khoảng 23 giờ 30 ngày 13/02/2023, S, Đoàn Thế Th ngụ tại ..., xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh T H, Lê Tuấn A ngụ tại xã Q V, huyện Q X, tỉnh T H, Đoàn Đình D ngụ tại xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh T H và Đỗ Hồng T ngụ tại xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh T H đang lưu thông trên đường Nguyễn Ái Quốc thuộc khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai vi phạm luật giao thông đường bộ nên bị tổ tuần tra 161 Công an tỉnh Đồng Nai kiểm tra, đưa về Công an phường Tân Hiệp làm việc, qua kiểm tra điện thoại của S đã phát hiện các tin nhắn có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà xác minh, làm rõ. Đến ngày 24/02/2023, thì S bị khởi tố, điều tra, xử lý.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Nguyễn Huy S đã thực hiện hành vi cho 06 người vay tiền trong 21 lần vay với lãi suất từ 13,64%/tháng đến 52,63%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự để nhằm thu lợi bất chính 65.514.767đ (Sáu mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Tuy nhiên, S mới thu lợi bất chính được

65.098.267đ (Sáu mươi lăm triệu không trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng) thì bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 của bị can Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 34B2-499.15 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T, cho Đỗ Hồng T (là người quen của Th) mượn sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả lại cho anh T.

Tại cáo trạng số 420/CT-VKSBH ngày 21 tháng 7 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Huy S, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Huy S từ 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng đến 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Đối với những người vay tiền của bị cáo Nguyễn Huy S hiện chưa xác minh được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với Đoàn Thế Th ngụ tại ..., phường Q T, thành phố T H, tỉnh T H, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đang xử lý trong một vụ án khác.

Đối với Lê Tuấn A ngụ tại xã Q V, huyện Q X, tỉnh T H khai nhận có thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã chuyển nguồn tin về tội phạm cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Trọng xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Đoàn Đình D ngụ tại xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh T H và Đỗ Hồng T ngụ tại xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh T H không tham gia hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính, cũng không có hành vi giúp sức cho S thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý.

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên:

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp lại số tiền 213.000.000đ (Hai trăm mười ba triệu đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp lại số tiền 3.651.733đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 là phương tiện bị can Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội;

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S trả lại cho ông Trần Công H 57.760.200đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông H;

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S trả lại cho chị Trần Đặng Thị Như Q 933.200đ (Chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của chị Q;

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S trả lại cho bà Vũ Thị H 4.841.350đ (Bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà H;

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph 438.767đ (Bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà Ph;

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S trả lại cho anh Trần Quang V 708.250đ (Bảy trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của anh V;

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S trả lại cho chị Hoàng Thị Ng 416.500đ (Bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà Ng;

- Buộc bà Hoàng Thị Ng phải nộp lại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là phương tiện bị can Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Quá trình Điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội khắc phục lỗi lầm của bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của những người này. Xét thấy, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm và Điều luật truy tố:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Huy S khai nhận trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến tháng 02/2023, bị cáo đã sử dụng tổng số tiền 218.000.000đ (Hai trăm mười tám triệu đồng) cho 06 người vay tiền (gồm ông Trần Công H, bà Trần Thị Như Q, bà Hoàng Thị Ng, bà Vũ Thị H, bà Nguyễn Thị Ph và ông Trần Quang V) trong 21 lần vay với mức lãi suất từ 13,64%/tháng đến 52,63%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự để nhằm thu lợi bất chính số tiền 65.514.767đ (Sáu mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) nhưng thực tế số tiền thu lợi bất chính bị cáo chiếm đoạt được là 65.098.267đ (Sáu mươi lăm triệu không trăm chín mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Huy S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì mục đích thu lợi bất chính bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo: Quá trình

điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong gia đình bị cáo có Cha (*ông Nguyễn Huy Th*) tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huân chương chiến sĩ giải phóng (hạng ba). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Khi quyết định mức hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Xét bị cáo không có tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng như đã nhận định (*tại mục [5]*). Trong vụ án này bị cáo đã có thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam (*từ ngày 15/02/2023 đến ngày 24/02/2023*) và trong thời gian được tại ngoại đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone X và 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 là phương tiện bị cáo Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội (*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp lại số tiền 213.000.000đ (*Hai trăm mười ba triệu đồng*) là tiền sử dụng phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp lại số tiền 3.651.733đ (*Ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*) là khoản tiền lãi (tương ứng 20%/năm) có được từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho:

+ Ông Trần Công H số tiền 57.760.200đ (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng*).

+ Bà Trần Đặng Thị Như Q số tiền 933.200đ (*Chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

+ Bà Vũ Thị H số tiền 4.841.350đ (*Bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 438.767đ (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Ông Trần Quang V số tiền 708.250đ (*Bảy trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Hoàng Thị Ng số tiền 416.500đ (*Bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*).

- Buộc bà Hoàng Thị Ng phải nộp lại số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) là tiền bị cáo Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về vấn đề khác:

Đối với những người vay tiền của bị cáo Nguyễn Huy S hiện chưa xác minh được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với Đoàn Thế Thg ngụ tại ..., phường Quảng T, thành phố T H, tỉnh T H, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đang xử lý trong một vụ án khác.

Đối với Lê Tuấn A ngụ tại xã Q V, huyện Q X, tỉnh T H khai nhận có thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã chuyển nguồn tin về tội phạm cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Trọng xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Đoàn Đình D ngụ tại xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh T H và Đỗ Hồng T ngụ tại xã Q Đ, huyện Q X, tỉnh Thanh Hoá không tham gia hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính, cũng không có hành vi giúp sức cho S thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý là phù hợp.

[10] Về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Huy S** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Huy S 60.000.000** (*Sáu mươi triệu*) đồng.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone X và 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 là phương tiện bị cáo Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp lại số tiền 213.000.000đ (*Hai trăm mười ba triệu đồng*) là tiền sử dụng phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp lại số tiền 3.651.733đ (*Ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*) là khoản tiền lãi (tương ứng 20%/năm) có được từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho:

+ Ông Trần Công H số tiền 57.760.200đ (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng*).

+ Bà Trần Đặng Thị Như Q số tiền 933.200đ (*Chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

+ Bà Vũ Thị H số tiền 4.841.350đ (*Bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 438.767đ (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Ông Trần Quang V số tiền 708.250đ (*Bảy trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Bà Hoàng Thị Ng số tiền 416.500đ (*Bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bị cáo Nguyễn Huy S vẫn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Buộc bà Hoàng Thị Ng phải nộp lại số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) là tiền bị cáo Nguyễn Huy S sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Huy S phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Thi hành án (8);
- Công an TP. Biên Hòa (1);
- Bị cáo (1);
- Người có QLNV liên quan (6);
- Lưu VP-HS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Mạnh

